

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST.

Ngày: 23/01/2019.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đăng Lý

2. Bà Đỗ Thị Thúy Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên toà: Ông Phùng Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2018/TLST-KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V (Viết tắt Agribank).

Địa chỉ: Số 2 , phường T, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh- Chủ tịch Hội đồng thành viên AGRIBANK.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị H- Phó phòng KTKSNB phụ trách pháp chế- Agribank chi nhánh H. Có mặt.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn D (Viết tắt là Công ty D).

Địa chỉ: Xã B, huyện T, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Ph – Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1967; bà Nguyễn Thị Minh Ph1, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Số 170 phố H, tổ 115 phường Ô, quận Đ, Thành phố H. Vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1957, anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Số 53 D5, ngách 25 ngõ 61 L, phường V, quận H, Thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/04/2016 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Thị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V) trình bày:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V (Sau đây gọi tắt là Agribank) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có mã số doanh nghiệp 0100686174 đăng ký lần đầu ngày 26/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29/10/2014.

Ngày 05/6/2012 Agribank và Công ty trách nhiệm hữu hạn D (Gọi tắt là Công ty D) đã ký **Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201200224/HĐTD** (gọi tắt là *Hợp đồng 224*). Hạn mức cấp tín dụng là 25.000.000.000 đồng (*Hai mươi lăm tỷ đồng*) trong thời hạn 12 (*mười hai*) tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận, được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 (*sáu*) tháng, trả nợ gốc theo Giấy nhận nợ, trả nợ lãi theo tháng. Lãi suất cho vay: Theo từng thời điểm nhận nợ, tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 17,5% năm, lãi suất nợ quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn cho Công ty D, Agribank cùng với Công ty D đã ký một số phụ lục Hợp đồng tín dụng cụ thể:

Ngày 16/10/2012 hai bên ký Phụ lục Hợp đồng số 1450-LAV-201200224/HĐTD-PL01: Điều chỉnh Điều 2 của Hợp đồng 224 về thời hạn cho vay, cụ thể: Thời hạn cho vay của từng lần nhận nợ được kéo dài thêm 06 (*sáu*) tháng và Điều 4 về phương pháp trả lãi tiền vay, cụ thể: phương pháp trả lãi tiền vay cùng với kỳ gốc của từng lần nhận nợ, thay vì trả lãi hàng tháng. Ngoài hai nội dung này, thì các điều khoản khác vẫn giữ nguyên.

Ngày 08/4/2013 hai bên ký Phụ lục Hợp đồng số 1450-LAV-201200224/HĐTD-PL02. Điều 2 của Hợp đồng 224 về thời hạn cho vay của từng lần nhận nợ được sửa đổi bằng việc Ngân hàng chấp nhận gia hạn thời hạn cho vay của từng lần nhận nợ được kéo dài thêm 06 (*sáu*) tháng và Điều 4 về phương pháp trả lãi tiền vay cùng với kỳ trả gốc của

từng lần nhận nợ, thay vì trả lãi hàng tháng. Các nội dung khác của Hợp đồng 224 không bị thay đổi.

Ngày 02/6/2013 hai bên ký Phụ lục Hợp đồng số 1450-LAV-201200224/PLHĐTD, với nội dung gia hạn hạn mức tín dụng số tiền: 25.000.000.000 đồng (*Hai mươi lăm tỷ đồng*); thời hạn 12 tháng (*từ ngày 05/6/2013 đến ngày 05/6/2014*); lãi suất cho vay: Theo từng thời điểm nhận nợ, hiện tại là 9% /năm; phương thức trả nợ: Gốc trả theo kỳ hạn trên từng giấy nhận nợ, lãi trả hàng tháng; bổ sung đối tượng vay vốn: Ngành nghề sản xuất bột đậm thức ăn gia súc, gia cầm. Các nội dung khác của Hợp đồng 224 vẫn được các bên giữ nguyên.

Ngày 24/9/2013 Agribank và Công ty D ký **Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201300537/HĐTD** (*gọi tắt là Hợp đồng 537*). Số tiền cho vay: 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng*), thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng 537, kỳ hạn trả nợ được phân chia làm 4 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng số tiền phải trả 750.000.000 đồng; lãi trả 03 tháng/ lần tính từ ngày giải ngân. Lãi suất thả nổi, lãi suất điều chỉnh theo quy định của Agribank H. Tại thời điểm thẩm định lãi suất cho vay là 12%/năm; lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất cho vay trung hạn.

Ngày 20/12/2013 Công ty D và Agribank ký phụ lục Hợp đồng số 1450-LAV-201300537/PLHĐTD. Hai bên thống nhất điều chỉnh một số nội dung như sau: điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc của hợp đồng 537 thành 03 kỳ cụ thể: Kỳ 1 ngày 24/9/2015 số tiền: 750.000.000 đồng; kỳ 2 ngày 24/9/2016 số tiền: 750.000.000 đồng và kỳ 3 ngày 24/9/2017 số tiền: 1.500.000.000 đồng. Các nội dung khác của Hợp đồng 537 vẫn được giữ nguyên.

Thực hiện cam kết tại các Hợp đồng tín dụng, Agribank Chi nhánh H đã giải ngân cho Công ty D vay vốn theo đúng các hợp đồng tín dụng đã ký thông qua các Giấy nhận nợ ngày 05/6/2012, ngày 06/6/2012, ngày 19/7/2012, ngày 20/7/2012, ngày 24/7/2012, ngày 30/7/2012, ngày 15/8/2012, ngày 22/8/2012, ngày 23/8/2012, ngày 27/8/2012, ngày 28/8/2012, ngày 29/8/2012, ngày 30/8/2012, ngày 05/9/2012, ngày 27/9/2012, ngày 26/9/2012, ngày 02/10/2013, ngày 10/10/2013, ngày 16/10/2013, ngày 18/10/2013, ngày 22/10/2013, ngày 24/10/2013, ngày 28/10/2013, ngày 30/10/2013, ngày 28/11/2013, ngày 14/02/2014, ngày 17/02/2014, ngày 19/02/2014, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 224 có số tiền giải ngân 35.402.000.000đ (*Ba mươi lăm tỷ, bốn trăm linh hai triệu đồng*). Số tiền gốc đã trả 10.926.000.000đ (*Mười tỷ, chín trăm hai mươi sáu triệu đồng*). Dư nợ gốc đến ngày 23/01/2019 là 24.476.000.000đ (*Hai mươi bốn tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng*).

Hợp đồng tín dụng số 537 có số tiền giải ngân 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*). Số tiền gốc đã trả 1.065.000.000đ (*Một tỷ, không trăm sáu mươi lăm triệu đồng*). Dư nợ gốc đến ngày 23/01/2019 là 1.935.000.000đ (*Một tỷ, chín trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

Tổng cộng số tiền giải ngân 38.402.000.000đ (Ba mươi tám tỷ, bốn trăm linh hai triệu đồng). Số tiền gốc đã trả 11.991.000.000đ (Mười một tỷ, chín trăm chín một triệu đồng). Dư nợ gốc của hai hợp đồng tín dụng đến ngày 23/01/2019 là 26.411.000.000 đ (Hai mươi sáu tỷ, bốn trăm mười một triệu đồng).

Để bảo đảm cho việc vay vốn tại **Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201200224/HĐTD ngày 5/6/2012**, Công ty D đã thế chấp 02 tài sản của bên thứ ba, gồm:

Quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 7G-IV-21, diện tích 100m², địa chỉ nhà đất: Số 170 phố H, tổ 94, phường Ô, quận Đ, Thành phố H đã được UBND quận Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109112970 ngày 01/12/2003, hồ sơ gốc số 2371- 2003 QĐUB, chủ sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở là ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị Minh Ph1. Căn cứ pháp lý: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo lãnh cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng, số công chứng 1455.2009/HĐTC ngày 04/6/2009, được sửa đổi ngày 23/3/2011 theo Hợp đồng thế chấp (Sửa đổi) số 492.2011/HĐTC (SĐ) lập tại Phòng Công chứng số 3- Thành Phố Hà Nội. **Giá trị tài sản bảo đảm là 30.000.000.000đồng đảm bảo cho mức dư nợ 22.500.000.000 đồng.**

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 334, tờ bản đồ số 04, diện tích 197 m², mục đích sử dụng là đất ở lâu dài, địa chỉ nhà đất: Thôn X, xã N, huyện T, Thành phố H, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 428892 ngày 21/12/2001 cho Hộ ông Nguyễn Văn Tr, đã đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Văn Tr và ông Nguyễn Tuấn A tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, Thành phố H ngày 24/02/2011. Căn cứ pháp lý: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng, số công chứng: 097.2011/HĐTC, Quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/4/2011 lập tại Văn phòng công chứng Cầu Giấy- Thành phố Hà Nội. **Giá trị tài sản bảo đảm là 3.544.000.000đồng đảm bảo cho mức dư nợ 2.400.000.000 đồng.**

Để bảo đảm cho việc vay vốn tại **Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201300537/HĐTD ngày 24/9/2013**, Công ty D đã thế chấp tài sản của Công ty D, gồm Dây chuyền thiết bị linh kiện theo Hợp đồng mua bán số: 04/PT-DT/2013 ngày 22/7/2013 ký giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại và dịch vụ P với Công ty D, căn cứ Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000013 ngày 23/7/2013; Biên bản giao nhận thiết bị ngày 27/3/2013. Căn cứ pháp lý theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 09130806/HĐTC, quyền số 01 ngày 20/9/2013 tại Văn phòng công chứng Độc Lập, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/9/2013 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hà Nội. **Giá trị tài sản bảo đảm là 4.696.363.636 đồng đảm bảo cho mức dư nợ 3.000.000.000 đồng.**

Trong suốt thời gian từ khi các khoản nợ đến hạn trả nợ, Agribank H đã nhiều lần đôn đốc, thông báo nợ quá hạn, giấy báo nợ quá hạn, nhiều lần cùng Công ty D lập biên bản làm việc, nhưng công ty đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi và các cam kết xử lý tài sản để trả nợ.

Đối với người bảo lãnh là ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị Minh Ph1; hộ ông Nguyễn Văn Tr thì Ngân hàng nhiều lần thông báo về việc Công ty D vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền mà Ngân hàng đã cho Công ty D vay và cũng có mời các bên đến Ngân hàng để giải quyết vấn đề liên quan đến khoản vay nói trên. Nhưng ông N, bà Ph1, ông Tr, ông Tuấn A không đến và không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng thế chấp đã nêu. Như vậy, ông N, bà Ph1, ông Tr, ông Tuấn A đã vi phạm các quy định của pháp luật về nghĩa vụ đối với bên thứ ba đứng ra thế chấp tài sản để bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ của Công ty D.

Như vậy, Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các hợp đồng tín dụng. Nay, Agribank khởi kiện, yêu cầu Tòa giải quyết các vấn đề sau:

Buộc Công ty D phải thanh toán trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến hết ngày 23/01/2019 là: 40.530.745.544đ (*Bốn mươi tỷ, năm trăm ba mươi triệu, bảy trăm bốn mươi lăm ngàn, năm trăm bốn mươi bốn đồng*), trong đó: Nợ gốc: 26.411.000.000đ (*Hai mươi sáu tỷ, bốn trăm mười một triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 13.746.389.446đ (*Mười ba tỷ, bảy trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi chín ngàn, bốn trăm bốn mươi sáu đồng*), nợ lãi quá hạn 373.356.098đ (*Ba trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm năm mươi sáu ngàn, không trăm chín mươi tám đồng*).

Kể từ ngày 24/01/2019, Công ty D còn phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản tiền gốc chưa trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Công ty với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V.

Trường hợp Công ty D không trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 7G-IV-21, diện tích 100m², địa chỉ thửa đất: Số 170 phố H, tổ 94, phường Ô, quận Đ, Thành phố H của ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị Minh Ph1 có **tỷ lệ nghĩa vụ bảo đảm đến ngày 23/01/2019 là 33.109.158.492đ** (*Ba mươi ba tỷ, một trăm linh chín triệu, một trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi hai đồng*), trong đó tiền gốc 22.117.000.000đ (*Hai mươi hai tỷ, một trăm mười bảy triệu đồng*), tiền lãi 10.992.158.492đ (*Mười tỷ, chín trăm chín mươi hai triệu, một trăm năm mươi tám ngàn, bốn trăm chín mươi hai đồng*).

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 334, tờ bản đồ số 04, diện tích 197 m², địa chỉ thửa đất: Thôn X, xã N, huyện T, Thành phố H của ông Nguyễn Văn Tr và ông Nguyễn Tuấn A có **tỷ lệ nghĩa vụ bảo đảm đến ngày 23/01/2019 là 3.531.691.543đ** (*Ba tỷ, năm trăm ba mươi triệu, sáu trăm chín mươi một ngàn, năm trăm bốn mươi ba đồng*).

ba đồng), trong đó tiền gốc 2.359.000.000đ (Hai tỷ, ba trăm năm chín triệu đồng), tiền lãi 1.172.691.543đ (Một tỷ, một trăm bảy hai triệu, sáu trăm chín một nghìn, năm trăm bốn ba đồng).

Dây chuyền thiết bị linh kiện theo Hợp đồng mua bán số: 04/PT-DT/2013 ngày 22/07/2013 ký giữa Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ P với Công ty TNHH D, Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000013 ngày 23/07/2013; Biên bản giao nhận thiết bị ngày 27/03/2013 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 09130806/HĐTC, quyền số 01 ngày 20/09/2013 tại Văn phòng công chứng Độc Lập, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/09/2013 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hà Nội. *Tỷ lệ nghĩa vụ bảo đảm đến ngày 23/1/2019 là 3.889.895.509đ (Ba tỷ, tám trăm tám chín triệu, tám trăm chín lăm nghìn, năm trăm linh chín đồng), trong đó tiền gốc 1.935.000.000đ (Một tỷ, chín trăm ba lăm triệu đồng), tiền lãi 1.954.895.509đ (Một tỷ, chín trăm năm tư triệu, tám trăm chín lăm nghìn, năm trăm linh chín đồng).*

Trường hợp xử lý tài sản không đủ trả nợ tiền gốc, tiền lãi thì Công ty D vẫn phải tiếp tục trả hết số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V cho đến khi tất toán khoản vay.

Tại văn bản ngày 11/12/2018, ông Nguyễn Thanh Ph là đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn D trình bày:

Ngày 05/6/2012, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V- Chi nhánh H Việt (gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty trách nhiệm hữu hạn D (gọi tắt là Công ty D) có ký Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201200224/HĐTD (gọi tắt là *Hợp đồng 224*). Theo hợp đồng này, hạn mức cấp tín dụng dành cho Công ty D là 25.000.000.000đ (*Hai mươi lăm tỷ đồng*) trong thời hạn 12 (*mười hai*) tháng kể từ ngày ký Hợp đồng 224. Thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận, được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 (*sáu*) tháng, trả nợ gốc theo giấy nhận nợ, trả nợ lãi theo tháng.

Ngày 16/10/2012, Ngân hàng và Công ty D ký Phụ lục Hợp đồng 1450-LAV-201200224/HĐTD-PL01 để điều chỉnh Điều 2 của Hợp đồng 224 về thời hạn cho vay, cụ thể: Thời hạn cho vay của từng lần nhận nợ được kéo dài thêm 06 (*sáu*) tháng và Điều 4 về phương pháp trả lãi tiền vay, cụ thể: phương pháp trả lãi tiền vay cùng với kỳ gốc của từng lần nhận nợ, thay vì trả lãi hàng tháng. Ngoài hai nội dung này, thì các điều khoản khác vẫn giữ nguyên.

Ngày 08/4/2013, Ngân hàng và Công ty D ký Phụ lục Hợp đồng số 1450-LAV-201200224/HĐTD-PL02. Điều 2 của Hợp đồng 224 về thời hạn cho vay của từng lần nhận nợ được sửa đổi bằng việc Ngân hàng chấp nhận gia hạn thời hạn cho vay của từng lần nhận nợ được kéo dài thêm 06 tháng và Điều 4 về phương pháp trả lãi tiền vay cùng với kỳ trả gốc của từng lần nhận nợ, thay vì trả lãi hàng tháng. Các nội dung khác của Hợp đồng 224 không bị thay đổi.

Ngày 02/6/2013 hai bên ký Phụ lục Hợp đồng số 1450-LAV-201200224/PLHĐTD, với nội dung gia hạn hạn mức tín dụng số tiền: 25.000.000.000đ (*Hai mươi lăm tỷ đồng*); thời hạn 12 tháng (*Từ ngày 05/6/2013 đến ngày 05/6/2014*); lãi suất cho vay: Theo từng thời điểm nhận nợ, hiện tại là 9% /năm; phương thức trả nợ: Gốc trả theo kỳ hạn trên từng giấy nhận nợ, lãi trả hàng tháng; bổ sung đối tượng vay vốn: Ngành nghề sản xuất bột đậm thức ăn gia súc, gia cầm. Các nội dung khác của Hợp đồng 224 vẫn được các bên giữ nguyên.

Ngày 24/9/2013 Ngân hàng và Công ty D ký **Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201300537/HĐTD** (*gọi tắt là Hợp đồng 537*). Số tiền cho vay: 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*), thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng 537, kỳ hạn trả nợ được phân chia làm 4 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng số tiền phải trả 750.000.000đồng; lãi trả 03 tháng/ lần tính từ ngày giải ngân. Lãi suất thả nổi, lãi suất điều chỉnh theo quy định của Agribank H. Tại thời điểm thẩm định lãi suất cho vay là 12%/năm; lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất cho vay trung hạn.

Ngày 20/12/2013, Công ty D và Agribank ký phụ lục Hợp đồng số 1450-LAV-201300537/PLHĐTD. Hai bên thống nhất điều chỉnh một số nội dung như sau: điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc của hợp đồng 537 thành 03 kỳ cụ thể: Kỳ 1 ngày 24/9/2015 số tiền: 750.000.000đồng; kỳ 2 ngày 24/9/2016 số tiền: 750.000.000đồng và kỳ 3 ngày 24/9/2017 số tiền: 1.500.000.000đồng. Các nội dung khác của Hợp đồng 537 vẫn được giữ nguyên.

Thực hiện cam kết tại các Hợp đồng tín dụng, Agribank H đã giải ngân cho Công ty D vay vốn theo đúng các hợp đồng tín dụng đã ký.

Để bảo đảm cho việc vay vốn tại **Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201200224/HĐTD ngày 5/6/2012**, Công ty D đã thế chấp 02 tài sản của bên thứ ba, gồm:

Quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 7G-IV-21, diện tích 100m², địa chỉ nhà đất: Số 170 phố H, tổ 94, phường Ô, quận Đ, Thành phố H đã được UBND quận Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109112970 ngày 01/12/2003, hồ sơ gốc số 2371- 2003 QĐUB, chủ sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở là ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị Minh Ph1. Căn cứ pháp lý: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo lãnh cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng, số công chứng 1455.2009/HĐTC ngày 04/6/2009, được sửa đổi ngày 23/3/2011 theo Hợp đồng thế chấp (Sửa đổi) số 492.2011/HĐTC (SĐ) lập tại Phòng Công chứng số 3- Thành Phố Hà Nội. **Giá trị tài sản bảo đảm là 30.000.000.000đồng đảm bảo cho mức dư nợ 22.500.000.000 đồng.**

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 334, tờ bản đồ số 04, diện tích 197 m², mục đích sử dụng là đất ở lâu dài, địa chỉ nhà đất: Thôn X, xã N, huyện T, Thành phố H, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 428892 ngày 21/12/2001 cho Hộ ông Nguyễn Văn Tr, đã đăng ký sang tên cho ông

Nguyễn Văn Tr và ông Nguyễn Tuấn A tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, Thành phố H ngày 24/02/2011. Căn cứ pháp lý: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng, số công chứng: 097.2011/HĐTC, Quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/4/2011 lập tại Văn phòng công chứng Cầu Giấy- Thành phố Hà Nội. **Giá trị tài sản bảo đảm là 3.544.000.000 đồng đảm bảo cho mức dư nợ 2.400.000.000 đồng.**

Để bảo đảm cho việc vay vốn tại **Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201300537/HĐTD ngày 24/9/2013**, Công ty D đã thế chấp tài sản của Công ty D, gồm Dây chuyền thiết bị linh kiện theo Hợp đồng mua bán số: 04/PT-DT/2013 ngày 22/7/2013 ký giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại và dịch vụ P với Công ty D, căn cứ Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000013 ngày 23/7/2013; Biên bản giao nhận thiết bị ngày 27/3/2013, theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 09130806/HĐTC, quyền số 01 ngày 20/9/2013 tại Văn phòng công chứng Độc Lập, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/9/2013 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hà Nội. **Giá trị tài sản bảo đảm là 4.696.363.636 đồng đảm bảo cho mức dư nợ 3.000.000.000 đồng.**

Quá trình vay vốn, do kinh tế khó khăn nên Công ty D không trả được nợ đúng hạn cho Ngân hàng nên đã bị Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn. Ngày 11/6/2018 hai bên chốt nợ thì Công ty D còn nợ Ngân hàng số tiền như sau:

Tổng số tiền gốc và lãi là 39.899.940.939đ (Ba mươi chín tỷ, tám trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, chín trăm ba mươi chín đồng), trong đó nợ tiền gốc (Ngắn hạn và trung hạn): 26.431.000.000đ (Hai mươi sáu tỷ, bốn trăm ba mươi một triệu đồng), Lãi trong hạn: 13.126.432.679đ (Mười ba tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, sáu trăm bảy chín đồng), lãi quá hạn: 342.508.260đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm linh tám nghìn, hai trăm sáu mươi đồng). Công ty D đồng ý với việc tính lãi như ngân hàng đã thông báo, tuy nhiên Công ty D đề nghị ngân hàng miễn toàn bộ tiền lãi.

Đối với ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị Minh Ph1: Tại văn bản ngày 19/10/2018, bà Nguyễn Thị Minh Ph1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan công nhận hợp đồng thế chấp đã ký giữa ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị Minh Ph1 với Agribank là đúng, nhưng bà Ph1 cho rằng việc trả nợ Ngân hàng là trách nhiệm của Công ty D nên không đồng ý cho Ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Công ty D. Trong quá trình Tòa án làm việc với ông N và bà Ph1, vì cho rằng việc trả nợ là nghĩa vụ của Công ty D nên ông N và bà Ph1 không ký biên bản làm việc và cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến.

Ông Nguyễn Văn Tr và anh Nguyễn Tuấn A đã được Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án nhưng ông Tr và anh Tuấn A không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, nhiều lần Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình ông Tr để làm

việc nhưng ông Tr và anh Tuấn A từ chối không làm việc với Tòa án vì theo ông Tr và anh Tuấn A thì việc trả nợ là trách nhiệm của Công ty D. Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 122, 281, 290, 302, 305, 342, 343, 344, 351, 355, 471, 473, 474, 715, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 130 Luật Đất đai năm 2003, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 07/3/2018, Tòa nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 04/2018/TLST-KDTM, giữa nguyên đơn là ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D, địa chỉ: Xã B, huyện T, Thành phố H. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nợ tiền gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng với Công ty trách nhiệm hữu hạn D. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn hiện đang có địa chỉ và hoạt động tại huyện Thạch Thất, nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Agribank thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

Các đương sự là ông Nguyễn Thành N, bà Nguyễn Thị Ph1, ông Nguyễn Văn Tr và anh Nguyễn Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa ngày 28/12/2018, Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2018/QĐST-KDTM ngày 11/12/2018 và tổng đạt, niêm yết hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có tên nêu trên tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc tính đến ngày 23/01/2019 là 26.411.000.000đ (Hai mươi sáu tỷ, bốn trăm mười một triệu đồng), thấy:

Ngân hàng Agribank với Công ty D đã ký hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201200224/HĐTD ngày 05/6/2012 và hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201300537/HĐTD ngày 24/9/2013. Tổng số tiền được giải ngân là 38.402.000.000 đồng. Ngày 11/6/2018 hai bên chốt nợ thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 26.431.000.000 đồng. Theo Ngân hàng cung cấp thời gian vừa qua bị đơn trả tiếp được số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Như vậy, tính đến ngày 23/01/2019 bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền gốc là 26.411.000.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ bốn trăm mười một triệu đồng).

Xét Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đều do hai bên ký kết tự nguyện, đúng pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp luật đối với các bên. Vậy, Agribank yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền gốc 26.411.000.000đ (Hai mươi sáu tỷ bốn trăm mười một triệu đồng) là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của Agribank về việc buộc bị đơn trả khoản nợ lãi: 14.119.745.544đ (Mười bốn tỷ một trăm mười chín triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó lãi trong hạn 13.746.389.446 đồng và lãi quá hạn 373.356.098 đồng.

Xét thấy trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký giữa các bên đều có thỏa thuận mức lãi suất và mức điều chỉnh lãi suất, cụ thể đối với hợp đồng tín dụng ngày 05/6/2012, mức lãi suất trong hạn là 17,5% năm; hợp đồng tín dụng ngày 24/9/2013 là 12% năm, lãi suất quá hạn của hai hợp đồng đều bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét mức lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận là phù hợp với lãi suất quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm ký hợp đồng, nên Agribank yêu cầu công ty D trả tiền lãi là có căn cứ được chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng xuất trình, thì có căn cứ tính đến hết ngày 23/01/2019, tổng số tiền lãi Công ty D phải trả Ngân hàng là 14.119.745.544đ (Mười bốn tỷ, một trăm mười chín triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó lãi trong hạn 13.746.389.446 đồng, lãi quá hạn 373.356.098 đồng. Công ty D phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 24/01/2019 đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo của khoản vay, thấy:

Đối với Hợp đồng thế chấp của bên thứ ba đã ký giữa ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị Minh Ph1 với Agribank để đảm bảo cho khoản vay của Công ty D theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 1455.2009/HĐTC ngày 04/6/2009, được sửa đổi ngày 23/3/2011 theo Hợp đồng thế chấp (sửa đổi) số 492.2011/HĐTC (SĐ) lập tại Phòng Công chứng số 3- Thành Phố Hà Nội, số công chứng 1538. 2011/HĐTC ngày 05/8/2011. Các hợp đồng trên được giao kết bởi các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nội dung hợp đồng do các bên tự nguyện xác lập phù hợp với các quy định của pháp luật. Tại Điều 1, Điều 2 của

hợp đồng thế chấp trên đã xác định tài sản thế chấp là thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bên thế chấp. Nghĩa vụ được bảo đảm của tài sản thế chấp bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên vay tại Agribank theo hợp đồng tín dụng. Theo điều 6 và điều 8 của hợp đồng thế chấp trên qui định: Nếu bên vay, bên thế chấp không trả được nợ thì bên Ngân hàng có quyền áp dụng các biện pháp xử lý tài sản thế chấp theo đúng quy định của pháp luật để thu hồi nợ. Sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự về việc bảo lãnh, phù hợp với Nghị định 163/2006/NĐ- CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm. Vì vậy, trường hợp Công ty D không trả được nợ thì Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 7G-IV-21, diện tích 100m², địa chỉ tại số 170 phố H, tổ 94, phường Ô, quận Đ, Thành phố H đã được UBND quận Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109112970 ngày 01/12/2003 cho chủ sở hữu nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất mang tên ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị Minh Ph1 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 1455.2009/HĐTC ngày 04/6/2009, được sửa đổi ngày 23/3/2011 theo Hợp đồng thế chấp (sửa đổi) số 492.2011/HĐTC (SD) lập tại Phòng Công chứng số 3- Thành Phố Hà Nội sẽ được kê biên, phát mại để bảo đảm thi hành án là phù hợp với các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, Điều 281, Điều 290, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 355, Điều 715, Điều 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005. **Nghĩa vụ bảo đảm của tài sản này tính đến ngày 23/01/2019 là 33.109.158.492 đồng, trong đó tiền gốc 22.117.000.000 đồng và tiền lãi 10.992.158.492 đồng.**

Đối với Hợp đồng thế chấp của bên thứ ba đã ký giữa ông Nguyễn Văn Tr với Agribank để đảm bảo cho khoản vay của Công ty D theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 097.2011/HĐTC, Quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/4/2011 lập tại Văn phòng công chứng Cầu Giấy- Thành phố Hà Nội, được giao kết bởi các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nội dung hợp đồng do các bên tự nguyện xác lập phù hợp với các quy định của pháp luật. Tại Điều 1, Điều 2 của hợp đồng thế chấp trên đã xác định tài sản thế chấp là thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bên thế chấp. Nghĩa vụ được bảo đảm của tài sản thế chấp bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên vay tại Agribank theo hợp đồng tín dụng. Theo điều 6 và điều 8 của hợp đồng thế chấp trên qui định: Nếu bên vay, bên thế chấp không trả được nợ thì bên Ngân hàng có quyền áp dụng các biện pháp xử lý tài sản thế chấp theo đúng quy định của pháp luật để thu hồi nợ. Sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự về việc bảo lãnh, phù hợp với Nghị định 163/2006/NĐ- CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm. Vì vậy, trường hợp Công ty D không trả được nợ thì Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 334, tờ bản đồ số 04, diện tích 197 m², địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện T, Thành phố H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 428892 do UBND huyện T cấp cho Hộ ông Nguyễn Văn Tr, đã đăng ký sang tên cho ông

Nguyễn Văn Tr và ông Nguyễn Tuấn A tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, thành phố H ngày 24/02/2011 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 097.2011/HĐTC, Quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/4/2011 lập tại Văn phòng công chứng Cầu Giấy – Thành phố Hà Nội sẽ được kê biên, phát mại để bảo đảm thi hành án là phù hợp với các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, Điều 281, Điều 290, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 355, Điều 715, Điều 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005. **Nghĩa vụ bảo đảm đến ngày 23/1/2019 là 3.531.691.543 đồng, trong đó tiền gốc 2.359.000.000 đồng và tiền lãi 1.172.691.543 đồng.**

Đối với Hợp đồng thế chấp giữa Công ty D với Agribank theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 09130806/HĐTC, quyền số 01 ngày 20/9/2013 tại Văn phòng công chứng Độc Lập, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/9/2013 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hà Nội để thế chấp tài sản là Dây chuyền thiết bị linh kiện theo Hợp đồng mua bán số: 04/PT-DT/2013 ngày 22/07/2013 ký giữa Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ P với Công ty TNHH D, Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000013 ngày 23/07/2013; Biên bản giao nhận thiết bị ngày 27/03/2013. Hợp đồng này được giao kết bởi các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nội dung hợp đồng do các bên tự nguyện xác lập phù hợp với các quy định của pháp luật. Tại Điều 1, Điều 2 của hợp đồng thế chấp trên đã xác định tài sản thế chấp là thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bên thế chấp. Nghĩa vụ được bảo đảm của tài sản thế chấp bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên vay tại Agribank theo hợp đồng tín dụng. Theo điều 6 và điều 8 của hợp đồng thế chấp trên qui định: Nếu bên vay, bên thế chấp không trả được nợ thì bên Ngân hàng có quyền áp dụng các biện pháp xử lý tài sản thế chấp theo đúng quy định của pháp luật để thu hồi nợ. Sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự về việc bảo lãnh, phù hợp với Nghị định 163/2006/NĐ- CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm. Vì vậy, trường hợp công ty D không trả được nợ thì Dây chuyền thiết bị linh kiện theo Hợp đồng mua bán số: 04/PT-DT/2013 ngày 22/07/2013 ký giữa Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ P với Công ty TNHH D, Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000013 ngày 23/07/2013; Biên bản giao nhận thiết bị ngày 27/03/2013 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 09130806/HĐTC, quyền số 01 ngày 20/09/2013 tại Văn phòng công chứng Độc Lập, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/09/2013 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hà Nội sẽ được kê biên, phát mại để bảo đảm thi hành án là phù hợp với các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, Điều 281, Điều 290, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 355, Điều 715, Điều 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005. **Nghĩa vụ bảo đảm đến ngày 23/1/2019 là 3.889.895.509 đồng, trong đó tiền gốc 1.935.000.000 đồng và tiền lãi 1.954.895.509 đồng.**

[5] Về án phí: Do các yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị đơn là Công ty D phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền 40.530.745.544 đ (Bốn

mười tỷ, năm trăm ba mươi triệu, bảy trăm bốn trăm năm mươi bốn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều 122, 281, 290, 302, 305, 342, 343, 344, 351, 355, 471, 473, 474, 715, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 130 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; các điều 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201200224/HĐTD ngày 05/6/2012 và hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201300537/HĐTD ngày 24/9/2013, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 23/01/2019) là 40.530.745.544đ (*Bốn mươi tỷ, năm trăm ba mươi triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng*), trong đó: Nợ gốc: 26.411.000.000đ (*Hai mươi sáu tỷ, bốn trăm mười một triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 13.746.389.446đ (*Mười ba tỷ, bảy trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm bốn sáu đồng*), nợ lãi quá hạn 373.356.098đ (*Ba trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm chín tám đồng*).

Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp và nghĩa vụ trả nợ tương ứng của các tài sản cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 7G-IV-21, diện tích 100m², địa chỉ nhà đất: Số 170 phố H, tổ 94, phường Ô, quận Đ, Thành phố H đã được UBND quận Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109112970 ngày 01/12/2003, hồ sơ gốc số 2371- 2003 QĐUB, chủ sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở là ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị Minh Ph1. Căn cứ pháp lý: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo lãnh cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng, số công chứng 1455.2009/HĐTC ngày 04/6/2009, được sửa đổi ngày 23/3/2011 theo Hợp đồng thế chấp (Sửa đổi) số 492.2011/HĐTC (SĐ) lập tại Phòng Công chứng số 3- Thành Phố Hà Nội. **Nghĩa vụ bảo đảm của tài sản này tính đến ngày 23/01/2019 là 33.109.158.492 đ (Ba mươi ba tỷ, một trăm linh chín triệu, một trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm chín hai đồng), trong đó tiền gốc 22.117.000.000đ (Hai mươi hai tỷ, một trăm mười bảy triệu đồng) và tiền lãi 10.992.158.492đ (Mười tỷ, chín trăm chín mươi hai triệu, một trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng).**

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 334, tờ bản đồ số 04, diện tích 197 m², mục đích sử dụng là đất ở lâu dài, địa chỉ nhà đất: Thôn X, xã N, huyện T, Thành phố H, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 428892 ngày 21/12/2001 cho Hộ ông Nguyễn Văn Tr, đã đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Văn Tr và ông Nguyễn Tuấn A tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, Thành phố H ngày 24/02/2011. Căn cứ pháp lý: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng, số công chứng: 097.2011/HĐTC, Quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/4/2011 lập tại Văn phòng công chứng Cầu Giấy- Thành phố Hà Nội. **Nghĩa vụ bảo đảm đến ngày 23/01/2019 là 3.531.691.543đ (Ba tỷ, năm trăm ba mươi một triệu, sáu trăm chín một nghìn, năm trăm bốn ba đồng), trong đó tiền gốc 2.359.000.000đ (Hai tỷ, ba trăm năm mươi chín triệu đồng) và tiền lãi 1.172.691.543 đ**

(Một tỷ, một trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng).

Dây chuyền thiết bị linh kiện theo Hợp đồng mua bán số 04/PT-DT/2013 ngày 22/7/2013 ký giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại và dịch vụ P với Công ty trách nhiệm hữu hạn D, căn cứ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000013 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại và dịch vụ P phát hành ngày 23/7/2013 và Biên bản giao nhận thiết bị ngày 27/3/2013. Căn cứ pháp lý: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số

công chứng: 09130806/HĐTC, quyền số 01 ngày 20/9/2013 tại Văn phòng công chứng Độc Lập, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/9/2013 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hà Nội. **Nghĩa vụ bảo đảm đến ngày 23/01/2019 là 3.889.895.509đ (Ba tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm linh chín đồng), trong đó tiền gốc 1.935.000.000đ (Một tỷ, chín trăm ba mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi 1.954.895.509đ (Một tỷ, chín trăm năm mươi tư triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm linh chín đồng).**

Trường hợp xử lý tài sản không đủ trả nợ tiền gốc, tiền lãi thì Công ty trách nhiệm hữu hạn D vẫn phải tiếp tục trả hết số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V cho đến khi tất toán khoản vay.

3. **Án phí:** Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải chịu 148.530.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 73.700.000đ (*Bảy mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000718 ngày 02/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. **Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Ngọc Sơn

